TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TX.** **THÀNH PHỐ HN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/ST-HNGĐ
Ngày: 25/01/2018
V/v: *tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TX., THÀNH PHỐ HN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: *Bà* **Phương T.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. *Bà* **Nguyễn Thị H.**

2. *Ông* **Đỗ Quang L.**

- Thư ký phiên tòa: *Bà* **Hà Phương Ánh Ng.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận TX., thành phố HN *tham gia phiên toà: Bà* **Nguyễn Thị Tố L.**-Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận TX., thành phố HN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 553/*2017*/TLST- HNGĐ ngày *22* tháng *11* năm *2017* về tranh chấp "*ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/*2018*/QĐXX-ST ngày *10* tháng *01* năm *2018* giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Văn Ch., sinh năm 1942; Có mặt

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S., sinh năm 1955; Xin vắng mặt

Cùng trú tại: Số 24, ngách 120/19 Định Công, phường PL., quận TX., thành phố HN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 16 tháng 10 năm 2017, ông Ngô Văn Ch. có đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về tình cảm: xin ly hôn với bà Nguyễn Thị S..

Về con: Ông và bà S. có 02 con chung: Ngô Minh Châu, sinh năm 1978 và Ngô Minh Ngọc, sinh năm 1980. Hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết giao nuôi con.

+ Về tài sản, nhà ở, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Ông Ch. tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị S. xác nhận: bà và ông Ngô Văn Ch. đăng ký kết hôn ngày 19.9.1977 tại Ủy ban nhân dân quận Đống Đa, trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng 2 năm nay vợ chồng mâu thuẫn do ông Ch. có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Ông Ch. xin ly hôn, bà đồng ý. Ông bà có 02 con chung: Ngô Minh Châu, sinh năm 1978 và Ngô Minh Ngọc, sinh năm 1980. Hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết giao nuôi con. Về tài sản, nhà ở chung, bà không yêu cầu tòa án giải quyết. Bà đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Bà xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau:

1- 01 trích lục Giấy chứng nhận kết hôn.

2- Bản sao Giấy khai sinh của con chung (bản sao).

3- Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao).

Tại phiên tòa hôm nay

Bà S. vắng mặt; Ông Ch. có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà S., không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận TX., thành phố HN phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn có lời khai xin vắng mặt nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Ngô Văn Ch. đối với bà Nguyễn Thị S.; Về con: xác nhận ông Ch. và bà S. có 02 con chung: Ngô Minh Châu, sinh năm 1978 và Ngô Minh Ngọc, sinh năm 1980. Hai con chung đã trưởng thành, không giải quyết giao nuôi con; về án phí: ông Ch. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị S. có lời khai đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và khi xét xử. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà S..

[2] Về hôn nhân: Ông Ngô Văn Ch. và bà Nguyễn Thị S. kết hôn tự nguyện, không vi phạm điều cấm nên là hôn nhân hợp pháp. Ông Ch. yêu cầu ly

hôn, bà S. xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ, đồng ý ly hôn với ông Sơn. Do vậy, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015, Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Ch. và bà S..

[3] Về giao nuôi con: Ông Ch. và bà S. có 02 con chung: Ngô Minh Châu, sinh năm 1978 và Ngô Minh Ngọc, sinh năm 1980. Hai con chung đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên Tòa án không giải quyết giao nuôi con.

[4] Về tài sản: Ông Ngô Văn Ch. và bà Nguyễn Thị S. không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản khi ly hôn nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Ngô Văn Ch. phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 27, 63, 227, 220, 264, 266, 267, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Ngô Văn Ch. và bà Nguyễn Thị S..

2- Về nuôi con chung: Ông Ch. và bà S. có 02 con chung: Ngô Minh Châu, sinh năm 1978 và Ngô Minh Ngọc, sinh năm 1980. Hai con chung đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên Tòa án không giải quyết giao nuôi con.

3- Về chia tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết. Các bên có quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn khi có yêu cầu.

5- Về án phí: Ông Ngô Văn Ch. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Ch. đã nộp theo biên lai số 08152 ngày 22.11.2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận TX., thành phố HN.

6- Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN HỘI THẨM NHÂN DÂN